

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 440/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 30-9-2024.

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA,
TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thiều Thị Phi Loan.

Bà Vương Thị Khánh Loan.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trọng Duy – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 990/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 369/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 469/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1997; Nơi cư trú: 239 khu F, ấp E, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Duy T, sinh năm 1980; Nơi cư trú: 104 đường E, tổ G, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H có đơn xin vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn ngày 02/4/2024; đơn khởi kiện ngày 23/5/2024, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Duy T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 132 ngày 22/9/2016.

Sau khi kết hôn, chị và anh Lê Duy T đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng nhiều vấn đề trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp và không còn yêu thương nhau. Sau đó, chị và anh T đã làm đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nhưng sau đó anh T thay đổi ý kiến và không đồng ý lên tòa làm việc. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Duy T.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung tên Lê Duy Gia T1, sinh ngày 15/7/2016 và cháu Lê Duy Gia H1, sinh ngày 18/10/2017. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con và tạm thời không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết

- Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, anh Lê Duy T đã được Tòa án tiến hành triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh T tham gia các phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T. Do đó, Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc vắng mặt của anh T để có cơ sở giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án trong thời hạn luật định. Xác định đúng tư cách đương sự.

- Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự:

Chị Nguyễn Thị Thu H thực hiện đúng các quy định về quyền của người khởi kiện, đã cung cấp những tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, tham gia các buổi làm việc, phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng giấy triệu tập của Tòa án và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật.

Anh Lê Duy T trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không chấp hành, vắng mặt không có lý do.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Về yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H thì căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện anh Lê Duy T và chị Nguyễn Thị Thu H không còn quan tâm chăm sóc đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị Nguyễn Thị Thu H, anh Lê Duy T có 02 con chung tên Lê Duy Gia T1, sinh ngày 15/7/2016 và cháu Lê Duy Gia H1, sinh ngày

18/10/2017. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con và tạm thời không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu H giao con chung là cháu Lê Duy Gia T1, sinh ngày 15/7/2016 và cháu Lê Duy Gia H1, sinh ngày 18/10/2017 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì hiện các cháu đang ở với chị H, do chị H trực tiếp nuôi dưỡng; Về phần anh Lê Duy T thì không đến Tòa làm việc, không thể hiện ý kiến về vấn đề con chung, không cung cấp các tài liệu chứng minh đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Đối với yêu cầu cấp dưỡng do chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Lê Duy T; đồng thời Công an phường T, thành phố B xác định anh Lê Duy T hiện đang sinh sống tại địa chỉ 104 đường E, tổ G, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ các Điều 28, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Anh Lê Duy T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ để tham gia phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải các bên đương sự được.

Anh Lê Duy T đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Đồng thời, chị Nguyễn Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Duy T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 132 ngày 22/9/2016 nên công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của chị Nguyễn Thị Thu H thì sau khi kết hôn, chị và anh Lê Duy T đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng nhiều vấn đề trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp và không còn yêu thương nhau. Sau đó, chị và anh T đã làm đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nhưng sau đó anh T thay đổi ý kiến và không đồng ý lên tòa làm việc. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Duy T

Về phần anh Lê Duy T sau khi nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn thì không lên tòa để làm việc. Sau đó Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập cho anh T để làm việc, hòa giải đoàn tụ, đồng thời để anh T có ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị H. Tuy nhiên, anh T vẫn không lên Tòa để làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến chứng tỏ anh T không còn quan tâm đến chị H, cũng như không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tại Biên bản xác minh ngày 13/8/2024, thì ông Chu Đức T2 là trưởng khu phố C, phường T xác định vợ chồng anh Lê Duy T, chị Nguyễn Thị Thu H trong quá trình chung sống có mâu thuẫn gì không thì địa phương không rõ do vợ chồng anh T, chị H không trình báo hay nhờ chính quyền địa phương giải quyết mâu thuẫn.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng anh Lê Duy T, chị Nguyễn Thị Thu H đã nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nhưng sau đó thay đổi ý kiến đã thể hiện vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, sống ly thân, không còn sự tin tưởng, tôn trọng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, giải quyết cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Lê Duy T là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng anh Lê Duy T, chị Nguyễn Thị Thu H có 02 con chung tên Lê Duy Gia T1, sinh ngày 15/7/2016 và cháu Lê Duy Gia H1, sinh ngày 18/10/2017. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con và tạm thời không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Đối với yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung thì hiện các cháu Lê Duy Gia T1, Lê Duy Gia H1 đang do chị H trực tiếp chăm sóc, các cháu vẫn đang phát triển bình thường, đồng thời cháu H1 cũng có nguyện vọng được ở cùng chị H. Trong khi anh Lê Duy T không lên tòa làm việc để có ý kiến về con chung, không cung cấp các tài liệu chứng minh đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Do đó để đảm bảo cho sự phát triển bình thường, tránh gây xáo trộn về mặt tâm sinh lý của các cháu, cần giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng, do chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, anh Lê Duy T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố Biên Hòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 và các Điều 147, 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 5, 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27; tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Lê Duy T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Lê Duy Gia T1, sinh ngày 15/7/2016 và Lê Duy Gia H1, sinh ngày 18/10/2017 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời anh Lê Duy T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Duy T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của các con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003497 ngày 23/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Chị Nguyễn Thị Thu H đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thu H, anh Lê Duy T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự (02);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa (01);
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa (01);
- UBND phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa (01);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Anh Đức

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ